TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **529**/2026/DS-PT
Ngày: 18 - 6 - 2026
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán:Ông Ngô Tấn Lợi.

Bà Kiều Kim Xuân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2026/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2026/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1097/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S** (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S1). Gọi tắt là Ngân hàng S1.

Địa chỉ: Số B - B, N, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2).

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc T**; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Trần Gia T1**, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu F - 278, N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Hữu P**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2024, ông Nguyễn Vũ Khánh C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày: Ngày 07/5/2022, ông Phạm Hữu P có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.108.559đ (Ba mươi ba triệu, một trăm lẻ tám nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.446.000đ (Tám triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 11/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 35.878.544đ (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông P phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 08/01/2026 là 85.697.024đ (T2 mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 35.878.544đ (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi 49.818.480đ (Bốn mươi chín triệu, tám trăm mười tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông P, yêu cầu thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Hữu P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/01/2026 là 85.697.024đ (T2 mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 35.878.544đ (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi

49.818.480đ (Bốn mươi chín triệu, tám trăm mười tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Phạm Hữu P trình bày: Trước đây ông có ký hợp đồng mở thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), trong hợp đồng không cho ông biết lãi suất vay và quyền lợi, nghĩa vụ khi thực hiện hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng vay, ông có rút hết số tiền trong thẻ để sử dụng, tiêu xài cá nhân và có trả được cho Ngân hàng số tiền 8.446.000đ (Tám triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Nay ông đồng ý trả lãi khoản nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 08/2026/DSST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X–Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Phạm Hữu P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 55.611.743đ (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm mười một nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng); trong đó nợ gốc: 35.878.544đ (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi 19.733.199đ (Mười chín triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, một trăm chín mươi chín đồng). Ông Phạm Hữu P có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S từ ngày 12/01/2026 cho đến khi trả hết số nợ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu ông Phạm Hữu P có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 30.085.280đ (Ba mươi triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

2. Án phí: Ông Phạm Hữu P phải chịu 2.780.600đ (Hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu 1.504.000đ (Một triệu, năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.384.480đ (Một triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030562 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận 8, thành phố Hồ Chí Minh nên còn phải nộp tiếp số tiền 119.520đ (Một trăm mười chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/3/2026, nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 85.697.024đ (T2 mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 35.878.544 đồng (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi 49.818.480 đồng (lãi tạm tính đến ngày 08/01/2026).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 85.697.024đ (T2 mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 35.878.544 đồng (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi 49.818.480 đồng (lãi tạm tính đến ngày 08/01/2026) là tự nguyện nên được ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sữa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các đương như đã thỏa thuận như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng S1) còn trong thời hạn quy định theo Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S (Ngân hàng S1) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét cầu kháng cáo của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các bên thống nhất xác định: Ngày 07/5/2022, ông Phạm Hữu P có ký với Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S1) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến thời hạn thanh toán ông P không trả nên hai bên thống nhất lấy số tiền lãi 5.878.544đ vào vốn và chuyển số nợ thành nợ quá hạn với số vốn là 35.878.544 đồng.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu ông P trả 49.818.480đ (Bốn mươi chín triệu, tám trăm mười tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) tiền lãi theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 08/01/2026. Ông P đồng ý trả số vốn và lãi nêu trên cho Ngân hàng.

[3] Xét thấy tại phiên tòa, ông P tự nguyện trả cho Ngân hàng số tiền 85.697.024đ (T2 mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 35.878.544 đồng (Ba mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi 49.818.480 đồng (lãi tạm tính đến ngày 08/01/2026) là tự nguyện nên được ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng S1).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2026/DSST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X– Đồng Tháp.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

Ghi nhận ông Phạm Hữu P trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng S1) số tiền 85.697.024 đồng, (trong đó tiền vốn 35.878.544 đồng và 49.818.480 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 08/01/2026).

Ông Phạm Hữu P phải tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Phạm Hữu P phải chịu 4.285.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

+ Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng S1) số tiền 1.384.480 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0030562 ngày 29/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực Y - Thành phố Hồ Chí Minh) và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004049 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X- Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực Y - TPHCM;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình